

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP SINH HỌC 8 KÌ I

Câu 1: Máu gồm những thành phần cấu tạo nào? Tại sao phải xét nghiệm máu trước khi truyền? Nêu chức năng của huyết tương và hồng cầu.

Trả lời:

* Máu gồm những thành phần:

- Huyết tương: lỏng, trong suốt, màu vàng chiếm 55% thể tích

- TB máu : Chiếm 45% thể tích, đặc quánh màu đỏ thẫm . Gồm : Bạch cầu, hồng cầu, tiểu cầu

* Khi truyền máu cần phải xét nghiệm trước để lựa chọn loại máu truyền cho phù hợp, tránh tai biến (hồng cầu của người cho bị kết dính trong huyết tương của người nhận gây tắc mạch) và tránh bị nhận máu nhiễm các tác nhân gây bệnh.

* Chức năng của huyết tương :

- Duy trì máu ở trạng thái lỏng để lưu thông dễ dàng trong mạch

- Tham gia vận chuyển các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và các chất thải

* Chức năng của hồng cầu: Vận chuyển O₂ và CO₂

Câu 2: Hãy đề ra các biện pháp bảo vệ hệ hô hấp tránh các tác nhân có hại?

Trả lời:

- **Biện pháp**

+ Trồng nhiều cây xanh

+ Xây dựng môi trường trong sạch

+ Không hút thuốc lá

+ Đeo khẩu trang khi lao động ở nơi có nhiều bụi

Câu 3: Em hiểu như thế nào về nghĩa đen (theo mặt sinh học) của câu thành ngữ “ nhai kỹ no lâu”? Vậy trong khi ăn em cần chú ý điều gì?

Trả lời:

- Nhai kỹ có tác dụng biến đổi thức ăn thành những phần tử nhỏ, tăng diện tích tiếp xúc với các enzym trong dịch tiêu hóa làm quá trình biến đổi thức ăn xảy ra triệt để hơn, hiệu xuất tiêu hóa càng cao, cơ thể hấp thụ nhiều hơn.

- No lâu là chỉ việc no sinh lí. Do được nhai càng kỹ thì hiệu xuất tiêu hóa càng cao, cơ thể hấp thụ được nhiều chất dinh dưỡng nên no lâu hơn.

- Cần ăn chậm nhai kỹ

Câu 4: Hoạt động tiêu hóa chủ yếu ở ruột non là gì ? Những loại chất nào trong thức ăn còn cần được tiêu hóa ở ruột non?

Trả lời:

- Hoạt động tiêu hóa chủ yếu ở ruột non là sự biến đổi hóa học của thức ăn dưới tác dụng của các enzym trong các dịch tiêu hóa (dịch mật, dịch tụy, dịch ruột).

- Những chất trong thức ăn cần được tiêu hóa tiếp ở ruột non là: Gluxit (tinh bột, đường đôi), protein, lipit.

Câu 5: Nêu các tác nhân gây hại cho tim mạch? Theo em cần có biện pháp gì và rèn luyện như thế nào để bảo vệ tim và hệ mạch?

Trả lời:

- Các tác nhân gây hại cho tim mạch: Có nhiều tác nhân bên ngoài và trong có hại cho tim mạch:

+ Khuyết tật tim, phổi xơ, sức mạnh, mất máu nhiều, sốt cao, chất kích thích mạnh, thức ăn nhiều mỡ động vật.

+ Do luyện tập thể thao quá sức, một số vi rút, vi khuẩn

- Biện pháp bảo vệ và rèn luyện tim mạch:

+ Khắc phục và hạn chế các nguyên nhân làm tăng nhịp tim và huyết áp không mong muốn, không sử dụng các chất kích thích, tạo cuộc sống tinh thần thoải mái, vui vẻ.

+ Cần kiểm tra sức khỏe định kì, tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch, hạn chế các thức ăn có hại cho tim mạch như mỡ động vật...

- Các biện pháp rèn luyện hệ tim mạch: Lựa chọn cho mình 1 hình thức rèn luyện cho phù hợp.

Câu 6: Các chất trong thức ăn được phân nhóm như thế nào? Nêu đặc điểm của mỗi nhóm?

Trả lời:

- Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo hóa học:

+ Các chất hữu cơ: glucit, lipit, prôtêin, vitamin, axit nuclêic

+ Các chất vô cơ: Muối khoáng, nước

- Căn cứ vào đặc điểm biến đổi qua hoạt động tiêu hóa

+ Các chất bị biến đổi qua hoạt động tiêu hóa: glucit, lipit, prôtêin, axit nucleic

+ Các chất không bị biến đổi qua hoạt động tiêu hóa: vitamin, muối khoáng, nước

- Các tuyến tiêu hóa: Tuyến nước bọt, tuyến gan, tuyến tụy, tuyến ruột, tuyến vị

Câu 7: Trình bày các cơ quan trong hệ hấp của người và nêu chức năng của chúng?

Trả lời:

Hệ hô hấp gồm các cơ quan ở đường dẫn khí và 2 lá phổi

- Các cơ quan của đường dẫn khí: Mũi □ Họng □ thanh quản □ khí quản □ phế quản.
Chức năng dẫn khí vào và ra; làm ẩm, làm ấm không khí

- Hai lá phổi: Chức năng trao đổi khí giữa cơ thể và môi trường ngoài.

Câu 8: Giải thích vì sao tim hoạt động suốt đời mà không mệt mỏi?

Trả lời:

Vì nhờ có thời gian nghỉ ngơi mà các cơ tim phục hồi khả năng làm việc. Nên tim hoạt động suốt đời mà không mệt mỏi.

Câu 9: Cấu tạo tế bào và hoạt động sống của tế bào:

Trả lời:

- Cấu tạo tế bào gồm: + Màng sinh chất: Bao bọc bên ngoài thực hiện trao đổi chất

+ Chất tế bào: Chứa nhiều bào quan khác

+ Nhân: Điều khiển mọi hoạt động của tế bào

- Hoạt động sống: Trao đổi chất, lớn lên và sinh sản

Câu 10: Các loại mô:

Trả lời:

Có 4 loại mô

- Mô biểu bì: Gồm các TB xếp sát nhau, phủ ngoài cơ thể, lót trong các cơ quan rỗng, có chức năng bảo vệ, bài tiết

- Mô liên kết: Gồm các tế bào liên kết nằm rải rác trong chất nền, có thể có các sợi đàn hồi như các sợi liên kết ở da, chức năng tạo bộ khung của cơ thể, neo giữ các cơ quan hoặc chức năng đệm
- Mô cơ: Gồm 3 loại cơ vân, cơ trơn, cơ tim. Chức năng co giãn tạo nên sự vận động
- Mô thần kinh: Gồm các TB thần kinh (Nơron) nằm xen kẽ với các TB thần kinh đệm

Câu 11: Cấu tạo và chức năng của nơ ron:

Trả lời:

- Cấu tạo: + Thân nơron: Gồm 1 nhân và nhiều sợi nhánh ngắn
+ Sợi trục: Dài, bên ngoài bao bọc bởi bao miêlin, cuối sợi trục là các sợi nhánh, tận cùng là các xináp
- Chức năng: Cảm ứng và dẫn truyền xung thần kinh

Câu 12: Cung phản xạ và vòng phản xạ:

Trả lời:

- Cung phản xạ: Gồm 5 yếu tố là: Cơ quan thụ cảm --> Nơron HT --> Nơron TG --> Nơron LT --> CQPU
- Vòng phản xạ: như cung phản xạ nhưng có thêm đường thông tin ngược từ cơ quan phản ứng về TỨTK

Câu 13: Các phần chính của bộ xương người và khớp xương:

Trả lời:

- Có 3 phần chính + Xương đầu gồm: Xương sọ, Xương mặt
+ Xương thân gồm: Xương cột sống, các Xương sườn
+ Xương chi gồm: Xương tay, Xương chân
- Có 3 loại khớp xương: Khớp động, khớp bán động và khớp bất động

Câu 14: Cấu tạo và chức năng các bộ phận xương dài:

Trả lời:

CÁC PHẦN	CẤU TẠO	CHỨC NĂNG
Đầu xương	- Sụn bọc đầu xương	Làm giảm ma sát trong khớp
	Mô xương xốp gồm các nang xương	Phân tán lực và tạo ô chứa tủy
Thân xương	Màng xương	Giúp X lớn lên về bề ngang
	Mô xương cứng	Chịu lực
	Khoang xương	Chứa tủy

Câu 15: Cấu tạo bắp cơ và tế bào cơ:

Trả lời:

- Cấu tạo bắp cơ gồm nhiều bó cơ bọc trong màng liên kết
- Cấu tạo tế bào cơ gồm nhiều tơ cơ dày xen kẽ với tơ cơ mảnh TC mảnh K⁰ có mấu sinh chất, tơ cơ dày có mấu sinh chất

Câu 16: Máu gồm huyết tương và các tế bào máu. Môi trường trong cơ thể: Gồm máu, nước mô và bạch huyết

Trả lời:

- Huyết tương: Gồm 90% là nước, 10% là các chất khác (chất dinh dưỡng và chất thải)
- Các tế bào máu: Gồm Hồng cầu, Bạch cầu và Tiểu cầu.

Câu 17: Bạch cầu – Miễn dịch

Trả lời:

- Các hoạt động chủ yếu của bạch cầu: gồm 3 hoạt động:

+ Thực bào: Do đại thực bào, Bạch cầu trung tính tham gia, theo dòng máu đến chỗ viêm, chui qua thành mạch máu bắt và nuốt Vi khuẩn

+ Tế bào limphô B: Tiết ra kháng thể. Mỗi loại Kháng thể chỉ vô hiệu hóa được 1 loại Kháng nguyên

+ Tế bào limphô T: Tiết ra Prôtêin đặc hiệu phá hủy bị nhiễm bệnh

- Miễn dịch:

+ Miễn dịch tự nhiên: có 2 loại

* Miễn dịch bẩm sinh: Là mới sinh ra đã không bị mắc 1 số bệnh nào đó

* Miễn dịch tập nhiễm: Là Bị mắc 1 bệnh nào đó rồi sau đó không bao giờ mắc bệnh này nữa

+ Miễn dịch nhân tạo: Con người chủ động tiêm vắc xin phòng bệnh. Vắc xin là chế phẩm sinh học được chế ra từ mầm bệnh mà người muốn phòng

Câu 10: Các nhóm máu và sơ đồ sự truyền máu:

Trả lời:

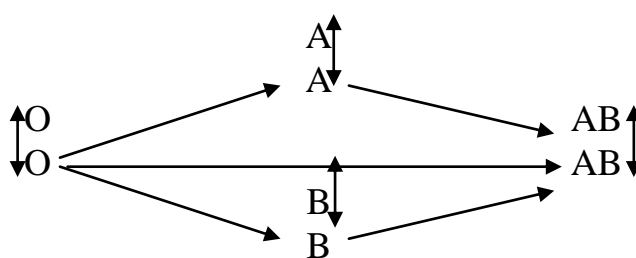
- Ở người có 4 nhóm máu

+ Nhóm máu O

+ Nhóm máu A

+ Nhóm máu B

+ Nhóm máu AB



Câu 11: Vòng tuần hoàn:

Trả lời:

- Vòng tuần hoàn lớn: Máu đỏ tươi từ Tâm thất trái theo Động mạch chủ ra khỏi tim chia làm 2 nhánh đến tất cả các cơ quan trong cơ thể. Tại đây xảy ra quá trình Trao đổi chất. Biến máu đỏ tươi thành máu đỏ thẫm rồi sau đó theo Tĩnh mạch chủ trên và Tĩnh mạch chủ dưới trở về Tâm nhĩ phải

Chức năng của vòng tuần hoàn lớn: Đến tất cả các cơ quan trong cơ thể thực hiện quá trình trao đổi chất

- Vòng tuần hoàn nhỏ: Máu đỏ thẫm từ tâm thất phải theo động mạch phổi ra khỏi tim chia làm 2 nhánh đến 2 lá Phổi. Tại đây xảy ra quá trình trao đổi khí biến máu đỏ thẫm thành máu đỏ tươi. Rồi sau đó theo 2 tĩnh mạch phổi trở về tâm nhĩ trái

Chức năng của vòng tuần hoàn nhỏ: Đến phổi thực hiện quá trình trao đổi khí

Câu 12: Cấu tạo tim và hoạt động của tim

Trả lời:

- Cấu tạo: Gồm 4 ngăn: 2 tâm nhĩ nằm trên có thành mỏng, 2 tâm thất nằm dưới có thành dày, giữa Tâm nhĩ và Tâm thất có van nhĩ thất, giữa Tâm thất với Động mạch có van Động mạch

- Hoạt động của tim theo 1 chu kỳ 3 pha với khoảng thời gian là 0,8 giây

+ Pha nhĩ co: đẩy máu xuống TT với thời gian là 0,1s

+ Pha thất co: đẩy máu vào ĐM với thời gian là 0,3s

+ Pha dẫn chung: Toàn bộ tim giãn ra nghỉ ngơi với thời gian là 0,4s

Câu 13/ Các chất trong thức ăn được phân nhóm như thế nào? Nêu đặc điểm của mỗi nhóm?

Trả lời:

- Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo hóa học:
 - + Các chất hữu cơ: gluxit, lipit, prôtêin, vitamin, axit nuclêic
 - + Các chất vô cơ: Muối khoáng, nước
- Căn cứ vào đặc điểm biến đổi qua hoạt động tiêu hóa
 - + Các chất bị biến đổi qua hoạt động tiêu hóa: gluxit, lipit, prôtêin, axit nucleic
 - + Các chất không bị biến đổi qua hoạt động tiêu hóa: vitamin, muối khoáng, nước
- Các tuyến tiêu hóa: Tuyến nước bọt, tuyến gan, tuyến tụy, tuyến ruột, tuyến vị

Câu 14/ Cho biết các con đường vận chuyển, hấp thu các chất dinh dưỡng và vai trò của gan ?

Trả lời:

- Các chất dinh dưỡng được hấp thụ và vận chuyển theo 2 con đường :
 - + Vận chuyển theo đường máu : Lipit, các vitamin tan trong dầu (A, D, E, K)
 - + Vận chuyển theo đường bạch huyết : đường, axit béo, axit amin, các vitamin tan trong nước, các muối khoáng, nước.

Câu 15/ Chu kì co giãn của tim? Giải thích vì sao tim hoạt động suốt đời mà không mệt mỏi?

Trả lời:

- Tim co giãn theo chu kỳ, mỗi chu kỳ gồm 3 pha: Pha nhĩ co, pha thất co, pha giãn chung. sự phối hợp hoạt động của các thành phần cấu tạo tim qua ba pha làm cho máu được bơm theo một chiều từ tâm nhĩ vào tâm thất và từ tâm thất vào động mạch.
- Vì nhờ có thời gian nghỉ ngơi mà các cơ tim phục hồi khả năng làm việc. Nên tim hoạt động suốt đời mà không mệt mỏi.

Câu 16/ Nêu các tác nhân gây hại cho tim mạch? Theo em cần có biện pháp gì và rèn luyện như thế nào để bảo vệ tim và hệ mạch?

Trả lời:

- Các tác nhân gây hại cho tim mạch: Có nhiều tác nhân bên ngoài và trong có hại cho tim mạch:
 - + Khuyết tật tim, phôi xơ.
 - + Sốc mạnh, mất máu nhiều, sốt cao..
 - + Chất kích thích mạnh, thức ăn nhiều mỡ động vật.
 - + Do luyện tập thể thao quá sức.
 - + Một số vi rút, vi khuẩn
- Biện pháp bảo vệ và rèn luyện tim mạch:
 - + Khắc phục và hạn chế các nguyên nhân làm tăng nhịp tim và huyết áp không mong muốn
 - + Không sử dụng các chất kích thích
 - + Tạo cuộc sống tinh thần thoải mái, vui vẻ.
 - + Cần kiểm tra sức khỏe định kì
 - + Tiêm phòng các bệnh có hại cho tim mạch
 - + Hạn chế các thức ăn có hại cho tim mạch như mỡ động vật...
- Các biện pháp rèn luyện hệ tim mạch:

+ Lựa chọn cho mình 1 hình thức rèn luyện cho phù hợp.

+ Cần rèn luyện thường xuyên để nâng dần sức chịu đựng của tim mạch và cơ thể

Câu 17. Nêu những biện pháp chống cong vẹo cột sống ở học sinh?

Trả lời:

Những biện pháp chống cong vẹo ở học sinh là :

- Ngồi học đúng tư thế, không nghiêng vẹo
- Mang vác đồ vật đều cả 2 vai, tay
- Không làm việc nặng quá sức chịu đựng của bản thân.

Câu 18. Mô tả đường đi của máu trong vòng tuần hoàn nhỏ và vòng tuần hoàn lớn?

Trả lời:

* Đường đi của máu trong vòng tuần hoàn nhỏ:

- Máu đỏ thẫm (Giàu cacbôníc) từ tâm thất phải theo động mạch phổi lên mao mạch phổi để thực hiện quá trình trao đổi khí.
- Máu nhường khí cacbôníc cho phổi và lấy khí oxi nên máu chuyển sang màu đỏ tươi .
- Máu đỏ tươi theo tĩnh mạch phổi đổ về tâm nhĩ trái.

* Đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn.

- Máu đỏ tươi (giàu oxi) từ tâm thất trái theo động mạch chủ tới mao mạch phần trên cơ thể và mao mạch phần dưới cơ thể để thực hiện quá trình trao đổi chất và trao đổi khí.
- Máu nhường oxi và chất dinh dưỡng cho các cơ quan, lấy đi khí cacbôníc và các chất thải nên máu chuyển sang màu đỏ thẫm.
- Máu đỏ thẫm theo tĩnh mạch chủ dưới và tĩnh mạch chủ trên đổ về tâm nhĩ phải.

Câu 19. Trình bày quá trình biến đổi thức ăn ở dạ dày?

Trả lời:

Quá trình biến đổi thức ăn ở dạ dày.

* Biến đổi lí học.

- Sự tiết dịch vị giúp hoà loãng thức ăn.
- Sự co bóp của dạ dày giúp thức ăn được đảo trộn và thấm đều dịch vị

* Biến đổi hoá học.

- sự hoạt động của enzym pepsin phân cắt prôtêin chuỗi dài thành prôtêin chuỗi ngắn từ 3 – 10 axitamin.

Câu 20. Tóm tắt quá trình trao đổi khí ở phổi và tế bào?

Trả lời:

Sự trao đổi khí ở phổi và tế bào đều theo cơ chế khuếch tán từ nơi có nồng độ cao tới nơi có nồng độ thấp.

* Sự trao đổi khí ở phổi.

- Nồng độ oxi ở phế nang cao hơn nồng độ oxi ở mao mạch máu nên oxi từ phế nang khuếch tán vào mao mạch máu.
- Nồng độ cacbôníc mao mạch máu cao hơn ở phế nang nên cacbôníc khuếch tán từ máu vào phế nang.

* Trao đổi khí ở tế bào.

- Nồng độ oxi ở mao mạch máu cao hơn ở tế bào nên oxi khuếch tán từ máu vào tế bào.
- Nồng độ cacbôníc ở tế bào cao hơn ở máu nên cacbôníc khuếch tán từ tế bào vào máu.

Câu 21. Giải thích tại sao thành cơ tâm nhĩ mỏng hơn thành cơ tâm thất. Thành cơ tâm thất trái dày hơn thành cơ tâm thất phải.

Trả lời:

Thành cơ tâm nhĩ mỏng hơn thành cơ tâm thất vì tâm nhĩ chỉ phải co bóp đẩy máu xuống tâm thất đường đi ngắn. Còn tâm thất dày vì máu phải đi đến các cơ quan. Thành cơ tâm thất trái dày nhất vì tâm thất trái phải co bóp đẩy máu đi đến mọi nơi trên cơ thể.

Câu 22. Những đặc điểm cấu tạo nào của các cơ quan trong đường dẫn khí có tác dụng làm ẩm, làm ấm không khí đi vào phổi và đặc điểm nào tham gia bảo vệ phổi tránh khỏi tác nhân có hại?

Trả lời:

- Làm ẩm không khí là do lớp mao mạch máu dày đặc, căng máu và ẩm nóng dưới lớp niêm mạc, đặc biệt là ở mũi và phế quản.
- Làm ấm không khí là do lớp niêm mạc tiết chất nhầy lót bên trong đường dẫn khí.
- Tham gia bảo vệ phổi.
- + Lông mũi giữ lại các hạt bụi lớn, chất nhầy do niêm mạc tiết ra giữ lại các hạt bụi nhỏ, lớp lông rung quét chúng ra khỏi khí quản.
- + Nắp thanh quản đóng kín đường hô hấp cho thức ăn khỏi lọt vào khi nuốt.
- + Các tế bào limphô ở các hạch Amidan, tuyến V.A tiết ra các kháng thể để vô hiệu hoá các tác nhân gây nhiễm.

Câu 23: Giải thích vì sao khi luyện tập thể dục thể thao đúng cách, đều đặn từ bé có thể có dung tích sống lý tưởng?

Trả lời:

- Dung tích sống là thể tích không khí lớn nhất mà một cơ thể có thể hít vào và thở ra.
- Dung tích sống phụ thuộc vào tổng dung tích phổi và dung tích khí cặn. Dung tích phổi phụ thuộc vào thể tích lồng ngực, mà dung tích lồng ngực phụ thuộc vào sự phát triển của khung xương sườn trong độ tuổi phát triển, sau độ tuổi phát triển sẽ không phát triển nữa. Dung tích khí cặn phụ thuộc vào khả năng co tối đa của các cơ thở ra, các cơ này cần luyện tập đều từ bé.
- > Cần luyện tập thể dục thể thao đúng cách, thường xuyên đều đặn từ bé sẽ có dung tích sống lý tưởng (tổng dung tích của phổi là tối đa và lượng khí cặn là tối thiểu).

Câu 24: Kháng nguyên là gì? Kháng thể là gì?

Trả lời:

- Kháng nguyên là những phân tử ngoại lai có khả năng kích thích cơ thể tiết ra kháng thể. Các phân tử này có trên bề mặt tế bào vi khuẩn, bề mặt vỏ virus, hay trong các nọc độc của ong, rắn.....
- Kháng thể là những phân tử protein do cơ thể tiết ra để chống lại các kháng nguyên
- Tương tác giữa kháng nguyên và kháng thể theo cơ chế chìa khóa và ổ khóa,

Câu 25: Những đặc điểm nào của bé x-ương ng-êi thích nghi với t- thõ òng th-ang vụ òi b-ung hai ch-ôn? N-âu bi-ôn ph, p r-în luy-ôn c-?

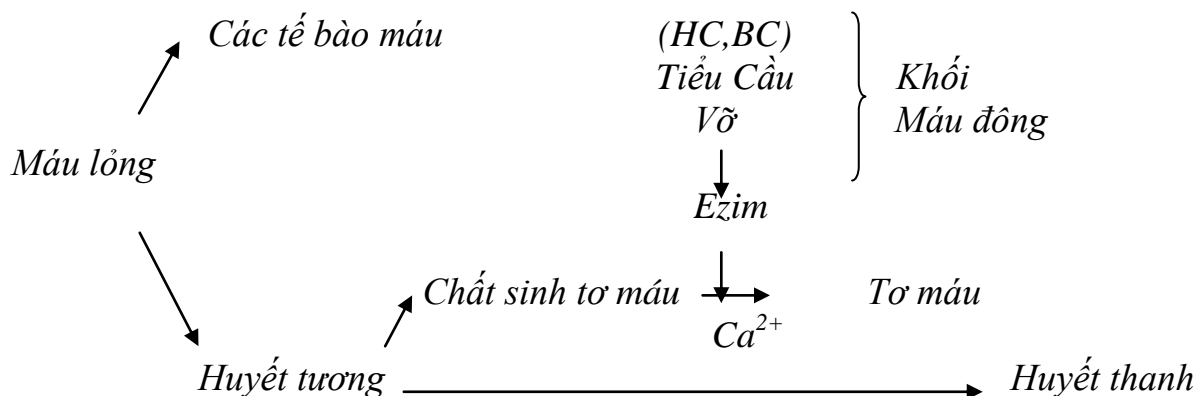
Trả lời:

- Những đặc điểm nào của bé x-ương ng-êi thích nghi với t- thõ òng th-ang vụ òi b-ung 2 ch-ôn: cét s-èng, l-àng ng-ùc, s-ù ph-ôn ho, tay vụ ch-ôn, òng òi-ôm v-ò khíp tay vụ ch-ôn.
- N-âu bi-ôn ph, p r-în luy-ôn c-

+ Th-êng xuy^an tĒp TDTT .

Câu 26/ Vẽ sơ đồ quá trình đông máu. Qua đó cho biết vai trò của tiểu cầu?

Trả lời:



- Tiểu cầu vỡ giải phóng Ezim giúp hình thành tơ máu để tạo thành khối máu đông

Câu 27. Cả mấy hụng rụo bño vř c- thó ? Trxnh bçy 1 hụng rụo bño vř c- thó .

- Cả 3 hụng rụo bño vř c- thó + Sù thùc bụo .

+ Tõ bụo B .

+ Tõ bụo T .

Câu 28 : HÖ tuçn hụn m,u gảm mĒy thụnh phçn ? M« tñ ®-êng ®i cña m,u trong vßng tuçn hụn nhá

Trả lời:

- HÖ tuçn hụn m,u gảm : tim vù c,c hÖ m¹ch t¹o thụnh vßng tuçn hụn.

+ Tim 4 ng¹n (2 tøm nhữ, 2 tøm thĒt), nĩa phñi m,u ®á thĒm, nĩa tr,i m,u ®á t--i.

+ HÖ m¹ch :

- Ség m¹ch : dĒn m,u tã tim ®Ŏn c- quan.

- Tũnh m¹ch : dĒn m,u tã c- quan ®Ŏn tim.

- Mao m¹ch : Nèi ®éng m¹ch vù tũnh m¹ch (®-êng kÝnh mao m¹ch nhá) .

- Vßng tuçn hụn nhá : M,u ®á thĒm (nhiều CO₂) tã tøm nhữ phñi ®Ŏn ®éng m¹ch phæi, tíi mao m¹ch phæi (trao ®æi khÝ O₂, CO₂) ho, m,u ®á t--i, tíi tũnh m¹ch phæi, tíi tøm nhữ tr,i.

Câu 29. *Khi gặp người bị ngã gãy xương cẳng tay, thì em cần làm gì để sơ cứu và băng bó cho người đó ?*

Trả lời:

Gặp người tai nạn gãy xương cẳng tay, ta sơ cứu và băng bó như sau :

- Sơ cứu : Đặt một nẹp gỗ hay tre vào 2 bên chỗ xương gãy, đồng thời lót trong nẹp bằng gạc hay vải sạch gấp dày ở các chỗ đầu xương. Buộc định vị ở 2 chỗ đầu nẹp và 2 bên chỗ xương gãy.

- Băng bó cố định : Dùng băng y tế hoặc băng vải băng cho người bị thương, băng từ trong ra cổ tay. Băng cần quấn chặt và làm dây đeo cẳng tay vào cổ.

Câu 30. *Hãy giải thích vì sao máu trong mạch không bao giờ đông, nếu ra khỏi mạch là đông ngay?*

Trả lời:

- Khi máu ra khỏi mạch tiểu cầu va vào vết rách trên thành mạch máu của vết thương giải phóng enzim.

- Enzim này kết hợp với chất sinh tơ máu trong huyết tương và ion Ca tạo ra tơ máu.

- Tơ máu kết thành mạng lưới ôm giữ các tế bào máu tạo thành khối máu đông.

Câu 31. *Máu có tính chất bảo vệ cơ thể như thế nào ?*

Trả lời:

. Máu có tính chất bảo vệ cơ thể là :

- Trong máu có bạch cầu có khả năng tiêu diệt vi khuẩn bằng thực bào và tiết ra chất kháng độc (kháng thể).

- Tiểu cầu tham gia vào quá trình đông máu, bảo vệ cơ thể chống mất máu khi bị thương